

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 814/TLST-VHNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*”, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Tạ Lâm T, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

Cùng ngụ tại: 91/4E, đường CC, ấp TH, xã HN3, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Lâm T và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên là: Tạ Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 26/7/2005 và Tạ Yến N, sinh ngày 05/12/2007. Khi ly hôn, anh T và chị T thỏa thuận đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cả 02 con chung. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/con (*Hai triệu đồng/ con*) kể từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Anh Tạ Lâm T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí: Anh Tạ Lâm T và chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm anh T, chị T đã nộp theo biên lai thu số 001107, ngày 19/11/2018 tại Chi cục thi hành án huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Lâm T và chị Nguyễn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Tạ Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 26/7/2005 và cháu Tạ Yến N, sinh ngày 05/12/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục. Anh Tạ Lâm T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/con (*Hai triệu đồng/ con*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi các con Linh, Nhi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Tạ Lâm T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền số và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Tạ Lâm T và chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm anh T, chị T đã nộp theo biên lai thu số 001107, ngày 19/11/2018 tại Chi cục thi hành án huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã Hố Nai 3, huyện Thống Nhất (cũ) (GCNKH số 57, quyền số 01, ngày 13/5/2002);
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc